

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2020
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hưởng và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2020/TLST - HNGĐ ngày 12/6/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST – HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lã Chiến C, sinh năm: 1992; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lã Chiến C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống, bố chồng hay để ý xét nét chị từ việc nhỏ đến việc lớn rồi đi nói xấu chị với người khác. Chị có nói lại với anh C nhưng anh C không những không chia sẻ mà còn hùa theo bố mẹ đánh mắng chửi chị. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 3/2020, chị mang con về nhà bố mẹ đẻ ở; anh C có đến tìm đón nhưng chị không quay về vì xác định không thể sống cùng với bố mẹ chồng được. Do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, đến nay thì không còn quan tâm chăm sóc

đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lã Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/9/2018, hiện cháu đang ở với chị. Sau ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh C góp tiền nuôi con cùng chị vì chị có công việc cho thu nhập ổn định.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lã Chiến C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng được hơn một năm thì anh đi lao động tại nước Malaysia. Trong thời gian anh đi lao động thì nghe được thông tin ở nhà chị L mâu thuẫn và cãi láo với bố anh, ngoài ra còn liên lạc với người yêu cũ. Anh phải về nước để dàn xếp tuy nhiên khi anh đi làm thì chị L vẫn cư xử như trước; anh gọi điện khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L không thay đổi. Đến tháng 3/2020 anh về nhà thì chị L đã mang con về nhà mẹ đẻ ở. Anh đến tìm đón nhưng chị L không về. Nay chị L kiện ly hôn, anh xác định mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng do con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lã Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/9/2018, hiện cháu đang ở với chị L. Sau ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị L góp tiền nuôi con cùng anh.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

- * Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Trần Thị Ngọc L ly hôn anh Lã Chiến C.

- Về con chung: Giao cháu Lã Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Trần Thị Ngọc L nuôi dưỡng. Anh Lã Chiến C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”; bị đơn đang cư trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc L và anh Lã Chiến C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng được hơn một năm thì anh C đi lao động tại nước Malaysia. Trong thời gian anh C đi lao động, ở nhà giữa chị L và bố chồng xảy ra mâu thuẫn đến mức anh C phải về nước để hòa giải, tuy nhiên khi anh C đi thì chị L và bố chồng tiếp tục mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 03/2020 chị L mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh C về nước và đi tìm đón chị L; hai bên nói chuyện nhưng không tìm được cách giải quyết bất đồng quan điểm nên đã không quay về chung sống cùng nhau.

Xét thấy chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn; anh C tuy không đồng ý ly hôn nhưng lại xác định tình cảm vợ chồng không còn và bỏ mặc không tham gia hòa giải, giải quyết vụ án tại tòa do vậy Hội đồng xét xử thấy khả năng chị L anh C đoàn tụ về chung sống là không còn; xử cho chị L ly hôn anh C là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc L và anh Lã Chiến C 01 con chung là cháu Lã Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/9/2018, hiện cháu đang ở với chị L. Do cháu A tại thời điểm xét xử dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao chị L được quyền nuôi dưỡng cháu A theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ cũng như là quyền lợi của con nhưng chị L vẫn giữ nguyên quan điểm không đề nghị anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Do chị L, anh C tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị Ngọc L ly hôn anh Lã Chiến C.

2. Về con chung: Giao cháu Lã Ngọc Bảo A, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Trần Thị Ngọc L nuôi dưỡng. Anh Lã Chiến C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị L.

Chị L và các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Trần Thị Ngọc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002516 ngày 12/6/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải chịu. Chị L đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)